TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 01 - 2021
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tiến

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Đang

2. Bà Nguyễn Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Thanh Nhàn – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 751/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 320/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 221/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Phương D, sinh năm 1975;

Hộ khẩu thường trú: Số 22A đường A, Phường X, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;

Cư trú: Số 88 đường P, Phường Y, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Hồ Quang T, sinh năm 1974;

Hộ khẩu thường trú: Số 22A đường A, Phường X, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cư trú: Số 88 đường P, Phường Y, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/7/2020 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ nguyên đơn bà Lê Thị Phương D trình bày:

Bà D và ông Hồ Quang T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Thượng, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 52, quyển số 02, ngày 19/5/2009). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, Đến năm 2011 mâu thuẫn phát sinh vì đời sống chung không hòa hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cải vã, xung đột với nhau, ông T còn nhiều lần đánh vợ làm cho đời sống hôn nhân luôn luôn căng thẳng, ngột ngạt và đã ly thân từ tháng 8/2020 cho đến nay. Dù hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên nhủ, cố gắng hàn gắn hạnh phúc nhưng không thành, nay tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Lê Thị Phương D yêu cầu được ly hôn với ông Hồ Quang T.

Về nuôi con chung: Bà D xác định vợ chồng có 02 con chung tên Hồ Ngọc Phương A, sinh ngày 11/8/2009 và Hồ Hoàng A, sinh ngày 26/5/2011. Ngoài ra vợ chồng không còn con chung, con nuôi nào khác. Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Bà D xác định vợ chồng không có khoản nợ chung nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Hồ Quang T đã được Tòa án tống đạt, triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử; Bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Hồ Quang T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải mà vẫn vắng mặt. Do vậy, theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án không tiến hành hòa giải được.

Ông Hồ Quang T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Đồng thời, nguyên đơn bà Lê Thị Phương D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Phương D thì đây là tranh chấp ly hôn theo yêu cầu một bên, do bị đơn ông Hồ Quang T cư trú Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

[3.1] Xét thấy, bà Lê Thị Phương D và ông Hồ Quang T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận phù hợp với Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Xét yêu cầu của bà Lê Thị Phương D xin được ly hôn với ông Hồ Quang T do đời sống chung không hòa hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cải vã, xung đột với nhau, ông T còn nhiều lần đánh vợ làm cho đời sống hôn nhân luôn luôn căng thẳng, ngột ngạt và đã ly thân từ tháng 8/2020 cho đến nay. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T đến Tòa để làm rõ tình trạng hôn nhân và tạo điều kiện cho vợ chồng hòa giải, đoàn tụ, hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng ông Hồ Quang T vắng mặt và ông cũng không có mặt tại phiên tòa xét xử, điều này thể hiện ông T không còn tha thiết đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy, tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía, cả hai phải có sự thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau, cùng giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển mọi mặt, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Thế nhưng, giữa bà D và ông T đã không còn sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau mà người nào chỉ biết bổn phận người đó, mạnh ai nấy sống. Tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh trầm trọng trong một thời gian dài, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà D là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về nuôi con chung: Xét nguyện vọng của trẻ Hồ Ngọc Phương A tại bản tự khai đề ngày 15/9/2020 trình bày "Nếu ba mẹ không còn sống chung con có nguyện vọng được sống chung với mẹ"; Xét nguyện vọng của trẻ Hồ Hoàng A tại bản tự khai đề ngày 15/9/2020 trình bày "Nếu ba mẹ không còn sống chung con có nguyện vọng được sống với mẹ" Nay bà Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên yêu cầu trên là phù hợp với nguyện vọng của con chung. Đồng thời, do trẻ Phương A là con gái, còn trẻ Hoàng A mới hơn 09 tuổi đây là độ tuổi còn rất nhỏ cần có bàn tay chăm sóc đặc biệt của người

mẹ. Mặt khác, ông T không đến Tòa nên cũng không thể hiện được ý kiến của ông về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Do đó, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chung, việc giao con chung cho bà D tiếp tục nuôi con, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông T cho đến khi bà D có yêu cầu là có căn cứ phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông Hồ Quang T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai có quyền ngăn cản theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình.

[3.4] Về tài sản chung: Bà D xác định hai bên tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.5] Về nợ chung: Bà D xác định vợ chồng không có khoản nợ chung nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét, ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 207, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của bà Lê Thị Phương D.

Về hôn nhân: Bà Lê Thị Phương D được ly hôn ông Hồ Quang T. Giấy chứng nhận kết hôn số 52, quyển số 02 do Ủy ban nhân Ủy ban nhân dân xã Long Thượng, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An cấp ngày 19/5/2009 không còn giá trị kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về nuôi con chung: Giao 02 (hai) con chung tên Hồ Ngọc Phương A, sinh ngày 11/8/2009 và Hồ Hoàng A, sinh ngày 26/5/2011 cho bà Lê Thị Phương D trực tiếp

nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông Hồ Quang T cho đến khi bà Dung có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Bà D xác định hai bên tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà D xác định vợ chồng không có khoản nợ chung nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Lê Thị Phương D phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2019/ 0044237 ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Chi thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D đã thi hành xong phần án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Ủy ban nhân dân nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trọng Tiến